

Bản án số: 24/2019/HNGĐ- PT
Ngày 18 tháng 11 năm 2019
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Đoàn N Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2019/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐ-PT ngày 15/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐ-PT ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huất Thái Phương T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Địa chỉ liên lạc: 15/7 Ô 4 khu phố H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Bà Nguyễn Diễm G- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư họ V và ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1974 là luật sư thuộc Công ty Luật TNHH B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thái Đình N, sinh năm 1986; Địa chỉ: 28 Võ Duy Ninh, Tổ 1, Khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huất Thái Phương H, sinh năm 1991; Địa chỉ: 15/7 Ô 4 khu phố H, thị trấn A, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Huất Thái Phương T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Địa chỉ liên lạc: 15/7 Ô 4 khu phố H, thị trấn A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo giấy ủy quyền ngày 04/7/2019 có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Thái Đình N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huất Thái Phương T trình bày:

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu Bà và ông Thái Đình N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, đến ngày 05/8/ 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống giữa Bà và ông N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và nuôi dạy con chung từ đó hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Vợ chồng Bà đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng tình trạng mâu thuẫn càng căng thẳng hơn. Nay, Bà không còn tình cảm gì với ông N nữa nên đề nghị Tòa giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Thái Đình N.

- Về con chung: Vợ chồng Bà có 01 con chung là cháu Thái Đình Minh A, sinh ngày 20/11/2016. Bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung vì cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, Bà có công việc ổn định, có chỗ ở và tư cách đạo đức. Bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng .

- Về tài sản chung: Bà và ông N đã thỏa thuận và giải quyết xong, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, ông Thái Đình N trình bày:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý với trình bày của bà T về việc chung sống và kết hôn. Ông thừa nhận quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà T ít quan tâm chăm sóc con mà Ông là người trực tiếp quán xuyến chăm sóc con. Hai vợ chồng cũng cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay bà T xin ly hôn thì Ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà T có một con chung như bà T trình bày. Ông cũng có nguyện vọng nuôi con vì thu nhập của bà T chỉ có hơn 3 triệu đồng một tháng, chỗ ở chật chội, điều kiện không bảo đảm, công việc của bà T là MC, tham gia các hoạt động giải trí nên thường bận rộn vào buổi tối, cuối tuần. Từ tháng 12 năm 2018 đến nay cháu đang sống với Ông rất tốt. Về cấp dưỡng nuôi con Ông không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông xác nhận đã giải quyết xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Huất Thái Phương H trình bày: Bà là chị ruột của bà T. Năm 2017 bà có mua chiếc xe máy hiệu Honda SH Mode biển số 72K1-449.05 với số tiền 56.000.000 đồng. Bà là người đứng tên trên giấy đăng ký xe. Do em gái là bà T không có xe đi lại nên Bà đã cho mượn, vì là chị em ruột nên không có làm giấy tờ. Đây là tài sản của Bà không liên quan đến vợ chồng bà T ông N.

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Hồng S trình bày: Bà là Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ và ở gần nhà của cha mẹ ông Thái Đình N. Sau khi kết hôn ông N bà T được cha mẹ cho ở riêng tại căn nhà sát nhà cha mẹ. Thời gian chung sống Bà không thấy hai vợ chồng cãi nhau nên nguyên nhân mâu thuẫn Bà không biết. Bà chỉ biết bà T thường xuyên đi làm vắng nhà, hàng xóm ít gặp. Bà thường chứng kiến ông N tự chăm sóc con nhỏ. Khoảng tháng 10 năm 2018, hai vợ chồng mâu thuẫn bà T về nhà mẹ sinh sống để con lại cho ông N. Sau khoảng 2, 3 tuần, bà T có nhờ hội phụ nữ can thiệp để đón con. Bà cùng với hội phụ nữ phường xuống nhà ông N hòa giải, bà T xin đón con về nuôi nhưng gia đình ông N không đồng ý. Hai bên thỏa thuận cuối tuần bà T được đón con nhưng Bà thấy chưa lần nào thấy bà T về thăm con và cháu bé không theo mẹ.

2. Bà Mai Thị L trình bày: Bà là hàng xóm của cha mẹ ông N. sau khi ông N cưới vợ được cho cha mẹ cho ở riêng tại căn nhà gần nhà Bà. Thời gian chung sống Bà không thấy hai vợ chồng mâu thuẫn, cãi nhau, việc mâu thuẫn vợ chồng Bà không biết. Do nhà Bà ở gần nên thấy chỉ có ông N chăm sóc việc nhà, chăm con. Khi ông N đi làm thì ông bà nội trông cháu. Hiện nay bà T không sống cùng ông N nữa. Bà có chứng kiến một lần bà T đến bắt cháu bé, bà T có đòi bế con nhưng cháu bé khóc và không theo nên không bắt về được. Từ đó Bà không thấy bà T đến thăm con nữa.

3. Bà Bùi Thị Trà M trình bày: Bà là học trò cũ của ông Thái Đình N. Bà không biết rõ về mối quan hệ vợ chồng của ông N bà T, Bà biết hai vợ chồng có một con chung. Bà có chứng kiến một lần khi Bà uống cà phê tại quán của cha mẹ bà T thì thấy bà ngoại cháu bé thì bận rộn bán nước cho khách, ông ngoại thì sức khỏe không tốt nên đã để cháu bé té ngã. Còn nhà cửa thì chật chội, nhiều muỗi, thiếu tiện nghi. Khi thấy ông N đến cháu bé đã chạy theo cha.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2019/HNGĐ-ST ngày 09/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huát Thái Phương T.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huát Thái Phương T và ông Thái Đình N.

- Về con chung: Bà Huát Thái Phương T và ông Thái Đình N có 01 con chung là cháu Thái Đình Minh A, sinh ngày 20/11/2016. Bà Huát Thái Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Thái Đình Minh A, sinh ngày 20/11/2016 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, trách nhiệm thăm nuôi con chung và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, ông Thái Đình N làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao con chung là cháu Thái Đình Minh A cho

ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông N không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Thái Đình N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Huát Thái Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huát Thái Phương T trình bày: Cháu Thái Đình Minh A chưa đủ 36 tháng tuổi, bà T có công việc ổn định, có chỗ ở là căn nhà cha mẹ cho vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về kháng cáo: Cả ông N và bà T đều có công việc và nhà ở ổn định đủ điều kiện để nuôi cháu A. Ông N cho rằng Ông là người trực tiếp chăm sóc cháu Hoàng từ nhỏ. Việc ông N chăm sóc cháu A thì những người sống gần đều biết và bà T cũng thừa nhận nhưng không có nghĩa là bà T chăm sóc cháu A không tốt. Hơn nữa đó cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Cháu A còn nhỏ, hiện chưa đủ 36 tháng tuổi. Tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Ông N cũng không cung cấp được chứng cứ về việc bà T không đủ điều kiện trực tiếp nuôi cháu Hoàng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông N. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015 giữ nguyên Bản án hôn nhân sơ thẩm số 44/2019/DSST ngày 09/8/2019 của TAND thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Thái Đình N nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông Thái Đình N kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Lý do là ông N có điều kiện hơn bà T. Ông N là giáo viên, thu nhập ổn định, có nhà và điều kiện sinh sống tốt.

Xét thấy cháu Thái Đình Minh A, sinh ngày 20/11/2016, tính đến nay cháu Hoàng chưa đủ 36 tháng tuổi nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu A cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Ông N cho rằng bà T chăm sóc cháu không tốt, công việc thường xuyên vắng nhà nên giao con chung cho ông N nuôi dưỡng tốt hơn vì có điều kiện hơn. Hội đồng xét xử thấy ông N và bà T đều có công việc như nhau, điều kiện chăm sóc con chung như nhau, đều có nhà do cha mẹ tặng cho. Bà T làm công tác đoàn thanh niên nên tính chất công việc trẻ trung năng động và là công tác phong trào. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng bận việc, làm đêm mà nghĩa vụ chăm sóc con là của cả vợ chồng nên cả hai phải phối hợp để chăm sóc con chung. Ông N không chứng minh được bà T nuôi dưỡng con không tốt, vì vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án án phí theo quy định.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Đình N. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2019/HNGĐ-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huát Thái Phương T.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huát Thái Phương T và ông Thái Đình N.

- Về con chung: Bà Huát Thái Phương T và ông Thái Đình N có 01 con chung là cháu Thái Đình Minh A, sinh ngày 20/11/2016. Bà Huát Thái Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Thái Đình Minh A, sinh ngày 20/11/2016 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. (Ông Thái Đình N có nghĩa vụ giao cháu Thái Đình Minh A cho bà Huát Thái Phương T trực tiếp nuôi dưỡng).

Ông Thái Đình N có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con thì Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Thái Đình N về yêu cầu chia tài sản chung.

3. Về nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí:

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Huát Thái Phương T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009711 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa.

Hoàn trả cho ông Thái Đình N 737.500 (bảy trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0008233 ngày 19/4/2019 và 1.275.000 (một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008232 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Thái Đình N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000742 ngày 26/8/20019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Ông N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BVRT;
- TAND TP.B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Bắc